CÔNG TY C PHN CHNG KHOÁN PHÚ HNG

Digitally signed by CÔNG TY C PHN CHNG KHOÁN PHÚ HNG
DN: C=VN, S=H Chí Minh, L=Qun 7, CN=CÔNG TY C PHN CHNG KHOÁN PHÚ HNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304856339
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2017.03.11 10:41:37 +07'00'

Phu Hung
SECURITIES

2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

www.phs.vn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

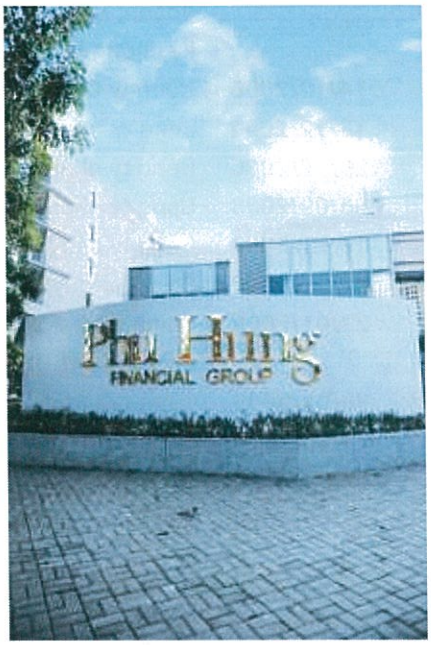

- **Tên giao dịch** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
- **Giấy phép kinh doanh**
  - Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016
  - Giấy phép điều chỉnh 18/GPĐC-UBCK ngày 22/06/2016 thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính
  - Giấy phép điều chỉnh vốn điều lệ số 23/GPĐC-UBCK ngày 25/07/2016
  - Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC -UBCK ngày 23/01/2017 bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành
- **Vốn điều lệ** 320.000.000.000 đồng
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu** 311.087.962.557 đồng
- **Địa chỉ** Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- **Số điện thoại** (84-8) 5413-5479
- **Số fax** (84-8) 5413-5472
- **Website** www.phs.vn
- **Mã cổ phiếu** Không có

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

15/11/2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh, với vốn điều lệ ban đầu là 22,68 tỷ đồng.
01/12/2006	Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.
14/12/2006	Công ty trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
18/12/2006	Công ty trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
29/12/2006	Công ty nhận giấy phép tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ VNĐ.
05/09/2008	Công ty nhận giấy phép tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ VNĐ.
10/11/2008	Công ty chuyển Trụ sở chính về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S. Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
23/01/2009	Chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
28/04/2009	Công ty tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ VNĐ.
24/06/2009	Công ty trở thành thành viên chính thức của Sàn UPCOM.
12/01/2010	Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ VNĐ.
31/05/2010	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận hồ sơ niêm yết của CTCP Chứng khoán Phú Hưng trên Sàn Hà Nội.
09/06/2010	Cổ phiếu của công ty được giao dịch đầu tiên trên sàn HNX.
13/11/2012	Công ty tăng vốn điều lệ lên 347.450.000.000 VNĐ.
20/12/2013	Đại hội cổ đông chấp thuận cho PHS hủy niêm yết tự nguyện để tập trung vào kế hoạch phát triển kinh doanh lâu dài.
18/03/2014	Công ty trở thành một thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
16/12/2015	Công ty nhận được Quyết định chấp thuận Hợp Nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành.
20/01/2016	Công ty nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động CTCP Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK có vốn điều lệ 202.585.070.000 VNĐ.
20/01/2016	Công ty trở thành thành viên giao dịch Sở GDCK TP.HCM.
20/01/2016	Công ty trở thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu niêm yết và thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) của Sở GDCK Hà Nội.
29/06/2016	Công ty chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM.
25/07/2016	Công ty tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 VNĐ

CÁC SỰ KIỆN KHÁC

12/2016	Công ty được UBCKNN tặng giấy khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty.
12/2016	Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tặng giấy khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Môi giới chứng khoán

Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán

Lưu ký chứng khoán

Tự doanh chứng khoán

Bảo lãnh phát hành

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- **Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng**

  Tầng trệt, CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh.

  Điện thoại: (84-8) 5413 5478 – Fax: (84-8) 5 413 5473

- **Chi nhánh Quận 3**

  Tầng 2,Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, TP. HCM

  Điện thoại: (84-8) 3820 8068 – Fax: (84-8) 3820 8206

- **Chi nhánh Tân Bình**

  Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM

  Điện thoại: (84-8) 3813 2401 – Fax: (84-8) 3813 2415

Các tỉnh/thành phố khác:

- **Chi nhánh Hà Nội**

  Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

  ĐiệnThoại: (84-4) 3 933 4566 – Fax: (84-4) 3933 4820

- **Chi nhánh Thanh Xuân**

  Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

  Điệnthoại: (84-4) 6 250 9999 – Fax: (84-4) 6 250 6666

- **Chi nhánh Hải Phòng**

  Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, Số 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

  Điệnthoại: (84-31) 384 1810 – Fax: (84-31) 384 1801

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

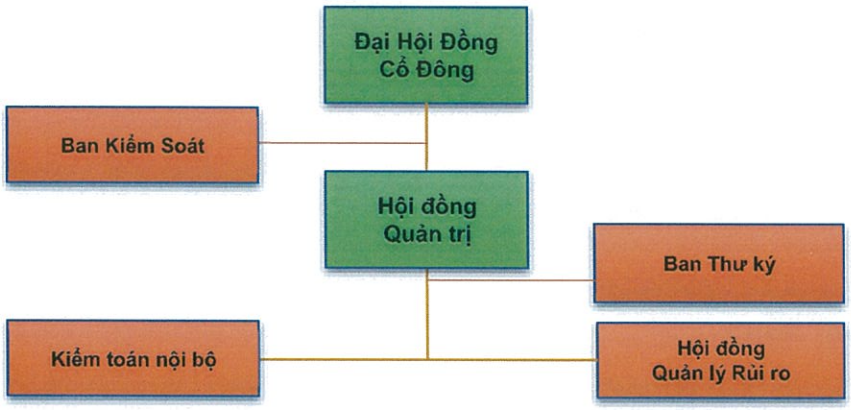

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị để giúp các cổ đông quản lý Công ty. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Hội đồng Quản trị quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị, bộ phận Thư ký Công ty phụ trách các công việc hành chính hỗ trợ Hội đồng quản trị.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

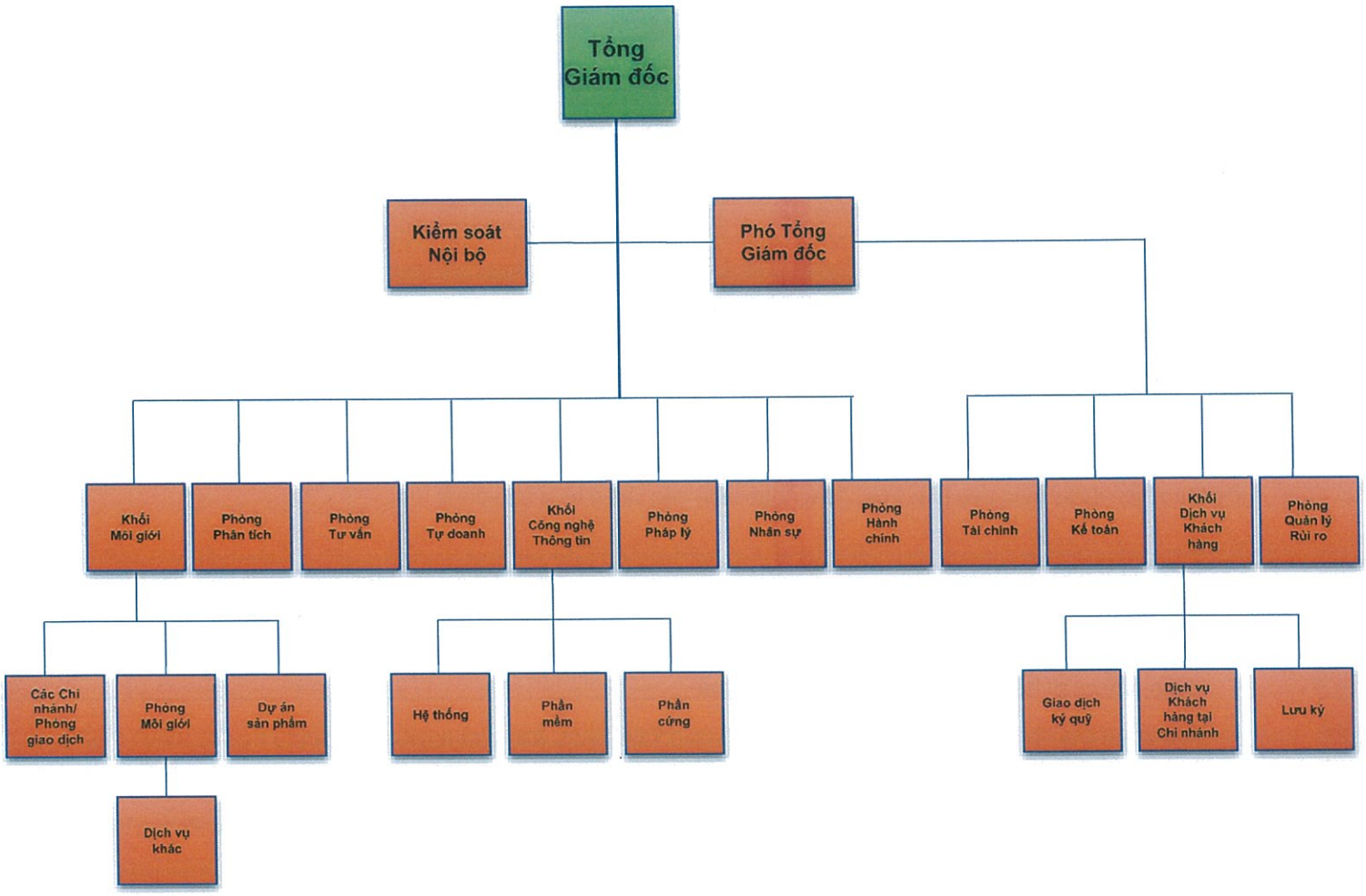

Công ty xây dựng bộ máy điều hành dưới sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc đứng đầu bộ máy điều hành, trực tiếp chỉ đạo quản lý các phòng ban trong Công ty. Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành các phòng ban thuộc khối hỗ trợ. Kiểm soát nội bộ hỗ trợ Tổng Giám đốc kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong các hoạt động hàng ngày.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Trở thành công ty chứng khoán nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam
- Phát triển bền vững, cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành một trong mười công ty chứng khoán lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi cũng đặt mục tiêu cung cấp những chính sách tốt nhất cho khách hàng; tiếp tục có mối quan hệ thân thiết với những khách hàng tiềm năng.

Mặt khác, chúng tôi cũng sẽ chú ý trong việc đầu tư vào nguồn nhân lực, để thu hút, duy trì và phát triển tối ưu nguồn nhân lực. Chúng tôi sẽ tiếp tục nâng cao công nghệ, cung cấp nhiều sản phẩm hơn và cải thiện dịch vụ khách hàng, cũng như cho mục đích phục vụ khách hàng.

Để thực hiện được mục tiêu này, PHS đang thực hiện các chiến lược bao gồm:

Chiến lược khách hàng

- Đồng hành với doanh nghiệp từ khi doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa đến khi niêm yết giao dịch để xây dựng mối quan hệ vững chắc hơn trong tương lai
- Tập trung khai thác mọi nguồn khách hàng cá nhân và tổ chức, trong và ngoài nước, trong đó đẩy mạnh phát triển nguồn khách hàng tổ chức
- Chủ trương duy trì và chăm sóc tốt cho khách hàng hiện tại, thu hút và ưu đãi để khai thác nguồn khách hàng tương lai
- Không ngừng cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh, phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng để nâng cao uy tín và sự chuyên nghiệp – là chìa khóa để thu hút và giữ chân khách hàng

Chiến lược tổ chức

- Hoàn thiện hệ thống cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, có sự phân công, phân cấp rõ ràng
- Nâng cao chất lượng các dịch vụ cốt lõi như môi giới, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, đặc biệt là dịch vụ giao dịch ký quỹ, phát triển song song với các dịch vụ khác như hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành
- Nâng cao vai trò của hệ thống Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ, Kiểm soát rủi ro,...
- Tuyển chọn các tài năng mới; tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
- Cải thiện và đổi mới công tác quản trị

Chiến lược nhân sự

Công ty xác định việc phát triển nguồn nhân lực là nhân tố cơ bản, quyết định đến sự thành công. Khách hàng của PHS luôn mong đợi môi giới của mình có trình độ chuyên môn cao, tinh tế và nhạy bén trong nhận định thị trường. Vì thế, PHS chú trọng đầu tư không ngừng vào việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Với tôn chỉ "Lợi ích của doanh nghiệp luôn gắn liền với lợi ích của cộng đồng", ngay từ những ngày đầu thành lập PHS đã thể hiện trách nhiệm với xã hội bằng các hoạt động từ thiện
- Cụ thể, PHS đã tham gia chương trình "Đi bộ Từ thiện" do Công ty liên doanh Phú Mỹ Hưng phối hợp cùng Ủy ban Nhân dân các Quận-Huyện 7, 8, Nhà Bè, Bình Chánh tổ chức hàng năm. Năm 2017, PHS sẽ tiếp tục tham gia vào các hoạt động từ thiện như: Giúp học sinh nghèo đến trường; Hỗ trợ người già neo đơn

5. CÁC RỦI RO

- **Rủi ro thị trường** là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi
- **Rủi ro thanh toán** là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết
- **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro xảy ra khi PHS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn
- **Rủi ro hoạt động** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và qui trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác
- **Rủi ro pháp lý** là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực, quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng; trong đó, tất cả các nhân viên đều hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Mục tiêu của PHS là cung cấp các dịch vụ một cách chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau bất kể tình trạng tài chính hoặc kinh nghiệm đầu tư, và thiết lập mối quan hệ lâu dài giữa khách hàng và môi giới để các khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận tốt nhất mục tiêu tài chính dài hạn hay ngắn hạn. Các dịch vụ chính của chúng tôi gồm có:

Môi giới chứng khoán

Với hệ thống phần mềm giao dịch hiện đại, nhanh chóng, an toàn và bảo mật, đội ngũ nhân viên môi giới chuyên nghiệp, được đào tạo và trang bị kiến thức chuyên sâu cùng đạo đức nghề nghiệp tốt. Dịch vụ Môi giới chứng khoán tại PHS sẽ mang lại cho Quý khách hàng nhiều thành công trong các giao dịch mua/bán chứng khoán.
Các dịch vụ môi giới và giao dịch chứng khoán bao gồm:

- Mở tài khoản cá nhân / tổ chức trong nước
- Mở tài khoản cá nhân / tổ chức nước ngoài
- Đa dạng các phương thức giao dịch chứng khoán:
  - Web Trading
  - Home Trading
  - Mobile Trading
  - Tổng đài đặt lệnh

Hỗ trợ tài chính

Dịch vụ hỗ trợ tài chính:

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng tiền bán chứng khoán
- Ứng trước tiền cổ tức

Lưu ký chứng khoán

- Dịch vụ lưu ký chứng khoán:
  - Lưu ký sổ cổ đông / Giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán
  - Điều chỉnh thông tin khách hàng
  - Rút chứng khoán
  - Chuyển khoản chứng khoán hoặc tất toán tài khoản
  - Chuyển quyền sở hữu thông qua: Cho / Biếu tặng / Thừa kế
  - Thực hiện quyền mua chứng khoán
- Dịch vụ quản lý sổ cổ đông

Trong năm 2016, doanh thu từ các hoạt động trên lần lượt là:

- Môi giới chứng khoán: 32.722.585.735 đồng
- Hỗ trợ tài chính: 63.635.602.177 đồng
- Lưu ký chứng khoán: 574.558.774 đồng

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

PHS là một nhà tư vấn tài chính có uy tín cho các DN trong nước và quốc tế. PHS giúp bạn hoạch định các chiến lược hiệu quả để cải thiện tài chính và cung cấp các công cụ hiệu quả để tìm kiếm nguồn vốn mới. PHS có nhiều lợi thế nhờ mối quan hệ tốt đẹp và lâu dài với Sở giao dịch Chứng khoán Đài Loan và các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình tư vấn. Trong năm 2016, doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính đạt 167.129.701 đồng.

Tư vấn cổ phần hóa

PHS tư vấn cho DN lập phương án CPH theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển của DN trong tương lai.

Tư vấn phát hành

PHS cung cấp kiến thức chuyên ngành, kết hợp với xây dựng kế hoạch phát hành, kế hoạch sử dụng vốn khả thi, giá chào bán hợp lý.

Tư vấn niêm yết

Việc niêm yết thành công đòi hỏi tập trung chuyên môn một số yếu tố trọng điểm: thấu hiểu các quy định của luật pháp về niêm yết, phân tích xu hướng hiện nay trên thị trường, thẩm định giá trị của công ty cổ phần, tính toán việc niêm yết / giá chào bán cho nhà đầu tư.

Tư vấn sáp nhập & mua bán công ty

Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, chúng tôi hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp để đảm bảo vận hành xuyên suốt, hiệu quả và thành công của quá trình mua bán và sát nhập.

Khảo sát và đánh giá doanh nghiệp

Đây là những thông tin cần thiết để giúp khách hàng đưa ra các quyết định đúng đắn dựa trên các hoạt động của doanh nghiệp bao gồm cổ phần hoá, niêm yết và phát hành, sáp nhập và mua bán, tái cơ cấu doanh nghiệp...

Bảo lãnh phát hành

Dịch vụ này đòi hỏi kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực pháp luật, tài chính – chứng khoán và tiếp thị, với tiềm lực tài chính mạnh, mạng lưới khách hàng và đối tác rộng lớn trong lĩnh vực đầu tư và tài chính, PHS sẽ đảm bảo cho đợt phát hành của DN đạt được thành công cao nhất và mang DN đến với đông đảo các nhà đầu tư và đối tác tiềm năng.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

- **Ông Chen Chia Ken**

  Chức vụ: Tổng Giám đốc

  Năm sinh: 1971

  Trình độ: Thạc sĩ

  Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

- **Bà Phạm Thị Thu Nhàn**

  Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

  Năm sinh: 1984

  Trình độ: Cử nhân

  Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có.

SỐ LƯỢNG, CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2016: 149 người
- Tổng chi phí cho người lao động (Lương, Thưởng): 31,8 tỷ đồng

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo. Sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Hội đồng quản trị PHS (HĐQT) đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc (Ban TGĐ) triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2016 (NQ ĐHĐCĐ), trong đó hai Nghị quyết lớn gồm:

(1) Nghị quyết 9 – "Thông qua phương án phát hành chào bán riêng lẻ cổ phiếu của PHS để tăng vốn điều lệ"

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày phát hành
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Số lượng phát hành: 11.741.493 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành: 117.414.930.000 đồng

(2) Nghị quyết 10 – "Thông qua việc đăng ký Nghiệp vụ bảo lãnh phát hành"

Hai Nghị quyết trên đã được Ban TGĐ triển khai ngay sau kỳ ĐHĐCĐ.

Nghị quyết 9 đã thành công với toàn bộ số lương cổ phiếu phát hành 11.741.493 (Mười một triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn, bốn trăm chín mươi ba) cổ phần, tương đương 117.414.930.000 (Một trăm mười bảy tỷ bốn trăm mười bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng đều được nhà đầu tư mua hết. PHS đã thực hiện báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu thành công cho UBCKNN. Với kết quả này, PHS đã đủ điều kiện để được tăng vốn và PHS đã được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 202.585.070.000 (Hai trăm lẻ hai tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng lên 320.000.000.000 (Ba trăm hai mươi tỷ) đồng bằng Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 23/GPĐC-UBCK ngày 25/07/2016.

Nghị quyết 10 đã được Ban TGĐ triển khai ngay sau khi được cấp phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ. Hồ sơ xin cấp phép bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành đã được PHS nộp cho UBCKNN ngay trong tháng 08 năm 2016. Đến ngày 23/01/2017 UBCKNN đã ra Quyết định số 03/GPĐC-UBCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, theo đó, PHS đã được cấp phép hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Không có	767.675.852.468	-
Doanh thu	Không có	105.539.387.579	-
Thuế và các khoản phải nộp	Không có	947.680.680	-
Lợi nhuận trước thuế	Không có	(7.179.042.443)	-
Lợi nhuận sau thuế	Không có	(7.179.042.443)	-

- **Lưu ý:** Do Công ty được thành lập mới từ ngày 20/01/2016 nên không có số liệu của năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Không có	1,66	-
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Không có	1,66	-
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số $\frac{\text{Nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$	Không có	0,59	-
+ Hệ số $\frac{\text{Nợ}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$	Không có	1,47	-
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động **Vòng quay hàng tồn kho**			
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Giá vốn hàng bán}}$	Không có	-	-
$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}}$	Không có	-	-
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$	Không có	(0.068)	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Không có	(0.023)	-
+ Hệ số $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$	Không có	(0.009)	-
+ Hệ số $\frac{\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh}}{\text{Doanh thu thuần}}$	Không có	(0.068)	-

- **Lưu ý:** Do Công ty được thành lập mới từ ngày 20/01/2016 nên không có số liệu của năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	Không có	320.000.000.000	-
- Tổng tài sản có	Không có	767.675.852.468	-
- Tỷ lệ vốn khả dụng	Không có	580%	-
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi	Không có		-
- Doanh số cho vay	Không có	13.516.229.426.852	-
- Doanh số thu nợ	Không có	13.498.532.704.354	-
- Nợ quá hạn	Không có	21.393.315.044	-
- Nợ khó đòi	Không có	2.515.056.204	-
- Hệ số sử dụng vốn	Không có	2,95	-
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	Không có		-
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	Không có	0,038	-
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	Không có	0,004	-
3. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay	Không có	1,66	-
- Khả năng thanh toán chung	Không có	1,68	-

Lưu ý: Do Công ty được thành lập mới từ ngày 20/01/2016 nên không có số liệu của năm 2015

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đến 31/12/2016 là 32.000.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 20.258.507 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 11.741.493 cổ phiếu

Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 3 cổ đông

Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) có 239 cổ đông

Cổ đông là tổ chức có 7 cổ đông

Cổ đông là cá nhân có 235 cổ đông

Cổ đông trong nước có 233 cổ đông

Cổ đông nước ngoài có 9 cổ đông

Cổ đông Nhà nước không có

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 16/12/2015 Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng hợp nhất với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành, và tiến hành hoán đổi cổ phiếu với tỷ lệ 1: 0,4819 đối với cổ đông PHS trước hợp nhất (Cổ đông PHS sở hữu 1 cổ phần sẽ nhận được 0,4819 cổ phần của Công ty Hợp nhất), và tỷ lệ 1: 0,8572 đối với cổ đông An Thành trước hợp nhất (Cổ đông An Thành sở hữu 1 cổ phần sẽ nhận được 0,8572 cổ phần của Công ty Hợp nhất).

Ngày 16/06/2016, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng hoàn tất chào bán riêng lẻ cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 11.741.493 cổ phiếu. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày 17/06/2016 đến 16/06/2017.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 490 cổ phiếu hình thành do hoán đổi cổ phiếu, PHS tiến hành mua lại cổ phiếu lẻ với giá 10.000đ căn cứ trên Phương án hợp nhất đã được ĐHĐCĐ thông qua.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Năm 2016, PHS không phát hành chứng khoán khác.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NƯỚC

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2016: 149 người
- Tổng chi phí cho người lao động (Lương, Thưởng): 31,8 tỷ đồng

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2016: 78.661.000 đồng
- Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên trong năm 2016: 152.877.340 đồng
- Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2016: 126.000 đồng/ người/ năm
- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2016: 4.121.365 đồng/ người

Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
    - Trong năm công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo về nghiệp vụ và sản phẩm nhằm hỗ trợ cho nhân viên cập nhật tính năng của dịch vụ và sản phẩm của công ty

- Đồng thời, công ty cũng tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm để giúp nhân viên nâng cao tính chuyên nghiệp trong xử lý công việc
  - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm là 204 giờ
  - Số giờ đào tạo trung bình cho nhân viên thuộc khối kinh doanh là 156 giờ
  - Số giờ đào tạo trung bình cho nhân viên thuộc khối hỗ trợ là 48 giờ

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

- Nội dung đào tạo gồm nâng cao kỹ năng mềm, cập nhật kiến thức về sản phẩm và dịch vụ, đào tạo nội quy lao động, quy chế công ty

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Trong những năm vừa qua, PHS đã thực hiện tốt tinh thần sẻ chia với cộng đồng. Trong năm 2016, tập thể nhân viên Công ty đã đóng góp 01 ngày lương ủng hộ "Quỹ phòng chống thiên tai năm 2016" và ủng hộ máy tính cho Quỹ Hỗ trợ Cộng đồng Lawrence S. Ting.

Đồng thời, Công ty luôn tuân thủ các quy định của Chính quyền địa phương và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, không tài trợ các dự án vi phạm luật về bảo vệ môi trường.

Hàng năm, Công ty luôn tích cực tham gia các phong trào do địa phương và các cơ quan ban ngành trong địa bàn phát động, như hoạt động "Đi bộ Từ thiện" Lawrence S. Ting do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp cùng Ủy ban Nhân dân Quận 7, Quận 8, Huyện Nhà Bè, Huyện Bình Chánh tổ chức vào tháng 1 hàng năm. Đồng thời, Công ty tạo mối quan hệ tốt với các cơ quan ban ngành và ưu tiên giải quyết việc làm cho người dân trong địa phương.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

PHS không phải báo cáo thông tin này.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Môi giới chứng khoán vẫn là hoạt động trọng tâm và quan trọng hàng đầu trong các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

Đến cuối năm 2016, đội ngũ nhân viên khối kinh doanh của Công ty đã có bước tăng trưởng ấn tượng 27% về số lượng. Với những chính sách dịch vụ phù hợp, đáp ứng được kỳ vọng của khách hàng nên tổng giá trị giao dịch chứng khoán niêm yết của PHS đạt được mức tăng trưởng 27%. Đây chính là cơ sở đưa doanh môi giới của Công ty đạt được con số kỷ lục từ trước đến nay với 32,7 tỷ đồng và tăng 23% so với cuối năm 2015.

Cả năm 2016, tổng doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay ký quỹ của Công ty đã đạt được 93% so với kế hoạch cả năm. Đây là một kết quả đáng khích lệ nhờ vào việc triển khai những chính sách phù hợp với tình hình thị trường và tận dụng được thế mạnh của công ty chứng khoán có vốn nước ngoài.

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Trong năm 2016, Tự doanh vẫn duy trì chiến lược đầu tư ngắn hạn để theo kịp những chuyển động của thị trường. Danh mục đầu tư vẫn chủ yếu tập trung vào các mã cổ phiếu dẫn dắt của những ngành đang thu hút sự quan tâm của thị trường. Tuy hạn mức đầu tư nhỏ nhưng hiệu quả đầu tư đã có chuyển biến tích cực trong năm vừa qua. Đây được xem như là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa phòng Tự doanh và phòng Phân tích trong việc quản lý danh mục đầu tư, bằng việc kết hợp phân tích cơ bản và kỹ thuật một cách nhịp nhàng. Môt khi quyết định đầu tư được đưa ra, nhân viên đầu tư và giao dịch tuân thủ nghiêm ngặt qui định cũng như qui trình đầu tư nội bộ để kiểm soát các rủi ro có thể phát sinh. Qui trình đầu tư mới nâng cao khả năng nhận diện rủi ro và thời điểm đầu tư cho nhân viên của phòng.

Danh sách các mã cổ phiếu được phép đầu tư được xem xét chặt chẽ và điều chỉnh dựa trên sự quan sát từ tín hiệu phân tích kỹ thuật và các chỉ số cơ bản. Bên cạnh đó, kết quả đầu tư được đánh giá thường xuyên hàng ngày, qui trình lựa chọn cổ phiếu cũng được ghi nhận lại như là hướng dẫn cho việc ra quyết định đầu tư trong năm vừa qua.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh đẩy mạnh trọng tâm hoạt động phát triển môi giới, PHS cũng quan

tâm đến mảng tư vấn. PHS chú trọng chất lượng đội ngũ tư vấn để phát triển dài hạn. Trong năm 2016, Tư vấn tập trung sức lực và thời gian để hoàn thành nhiệm vụ Nghị quyết số 9 và số 10 của Đại hội đồng cổ đông thường niên PHS năm 2016: phát hành tăng vốn điều lệ của PHS lên 320 tỷ đồng và xin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp phép nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành cho công ty PHS sau hợp nhất. Đến cuối tháng 01/2017, cả hai nhiệm vụ tại Nghị quyết 9 và Nghị quyết 10 đều đã hoàn thành bằng hai Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động số 23/GPĐC-UBCK ngày 25/07/2016 và số 03/GPĐC-UBCK ngày 23/01/2017 của UBCKNN.

Ngoài thực hiện nhiệm vụ trọng yếu được giao phó trên, phòng tư vấn vẫn tập trung vào chức năng kinh doanh chính và lâu dài là dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Mặc dù khó cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác do chưa có lợi thế về thương hiệu trong mảng cung cấp dịch vụ tư vấn nhưng trong năm 2016, phòng tư vấn ký kết được 7 hợp đồng mới với tổng trị giá 153 triệu đồng. Tuy nhiên, doanh thu tư vấn thực hiện trong năm 2016 là hơn 167 triệu đồng, chỉ bằng 70% kế hoạch năm 2016 và bằng 49% doanh thu thực hiện trong năm 2015 do các nguyên nhân chủ yếu sau ảnh hưởng đến việc giảm giá trị hợp đồng và doanh thu tư vấn:

(1) Số lượng và giá trị các Hợp đồng tư vấn đại lý phát hành trái phiếu ký kết trong năm giảm sút

(2) Đơn vị phát hành mua lại trái phiếu trước hạn đã làm giảm phí đại lý phát hành dẫn đến giảm doanh thu tư vấn

(3) Một số hợp đồng tư vấn kéo dài ảnh hưởng tiến độ thu phí do thời gian xử lý hồ sơ của các cơ quan nhà nước kéo dài hơn dự kiến vì có yếu tố nước ngoài

Để giải quyết các khó khăn trên, phòng Tư vấn tích cực, chủ động liên hệ, bám sát các cơ quan có liên quan để tìm cách tháo gỡ các vướng mắc. Vì vậy, mặc dù không đạt kế hoạch về doanh thu nhưng một số hồ sơ đã được giải quyết, một số đang trong tiến trình giải quyết theo hướng tích cực.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2016 tổng tài sản Công ty đang quản lý là 767.675.852.468 đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn là 754.769.544.559 đồng chiếm 98,32% trong tổng tài sản. Tài sản dài hạn là 12.906.307.909 đồng chiếm 1,68% trên tổng tài sản. Nợ xấu phải thu phát sinh trong năm 2016 là 2.515.056.204 đồng chiếm 0,3% trên tổng tài sản. Hiệu suất sử dụng tài sản là 0,14.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Năm 2016 khoản nợ phải trả của công ty là 456.587.889.911 đồng và không có nợ quá hạn. Trong đó nợ phải trả cho tổ chức nước ngoài là 146.190.000.000 đồng chiếm 32% vì vậy sẽ ảnh hưởng đến chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả và chi phí lãi vay.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Ban Giám đốc đã có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các mảng việc đều có lãnh đạo phụ trách trực tiếp nhờ vậy việc quản lý, điều hành doanh nghiệp được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mang lại hiệu quả cao. Công ty đã sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao năng suất lao động, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bộ máy quản lý được tinh giảm, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban được lồng ghép theo hướng chuyên môn hóa cao tránh chồng chéo. Công ty đã xây dựng được lực lượng lao động chuyên nghiệp, làng nghề và toàn tâm toàn ý với sự phát triển của công ty.
- Về công nghệ, sản phẩm và dịch vụ: Công ty đã hoàn thiện việc nâng cấp và thay đổi hệ thống mới, cải tiến sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và người sử dụng.
- Vế chính sách: luôn cập nhật những thay đổi để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch phát triển của Công ty năm 2017 sẽ ưu tiên phát triển theo hướng bền vững với việc cân bằng hợp lý giữa lợi nhuận và rủi ro.

PHÒNG MÔI GIỚI

Môi giới chứng khoán vẫn là hoạt động trọng tâm và quan trọng hàng đầu trong các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Các chỉ tiêu đặt ra cho năm 2017 như sau.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ tăng trưởng
Thị phần môi giới bình quân	1,32%	1,80%	36%

- **Phát triển thị trường ở phía Bắc**

Thông qua việc hợp nhất thành công giữa Chứng Khoán An Thành (ATSC) với PHS, ATSC đã trở thành Chi nhánh Thanh Xuân của PHS. Bên cạnh Chi nhánh Hà Nội nằm ở trung tâm của Thủ đô, Chi nhánh Thanh Xuân sẽ tọa lạc ở khu đô thị mới phồn vinh phía tây nam Hà Nội. Với bề dày kinh nghiệp tại thị trường Việt Nam, nguồi lực tài chính vững mạnh cùng với đội ngũ chuyên nghiệp, sự hiện diện của hai chi nhánh tại thủ đô Hà Nội sẽ là một bàn đạp vững chắc để PHS từng bước mở rộng mạng lưới khách hàng ở phía bắc nói riêng và trên khắp Việt Nam nói chung.

- **Phát triển đội ngũ môi giới**

Bên cạnh việc tìm kiếm đội ngũ môi giới có kinh nghiệm trên thị trường, trong 2017 Công ty sẽ đẩy mạnh việc nuôi dưỡng và đào tạo thế hệ môi giới mới – những hạt giống sẽ đưa Công ty phát triển xa hơn trong tương lai.

- **Triển khai sản phẩm mới**

(1) Phát triển sản phẩm ký quỹ mới phù hợp với từng phân khúc riêng của thị trường.

(2) Tham gia vào công tác triển khai những sản phẩm chứng khoán mới để tối ưu hóa danh mục đầu tư cho khách hàng như: chứng quyền, giao dịch trong ngày, v.v...

PHÒNG TỰ DOANH

Trong năm 2017, nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục mở rộng với một tốc độ vừa phải nhưng ổn định. Phòng Tự doanh sẽ theo dõi sát diễn biến thị trường và tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào thị trường chứng khoán. Thông qua sự phối hợp chặt chẽ với Phòng Phân tích và sử dụng dữ liệu tài chính cơ bản và phân tích kỹ thuật, Phòng Tự doanh không chỉ có thể tránh đầu tư vào những cổ phiếu có tình hình tài chính kém, mà còn có thể chọn được thời điểm đầu tư thích hợp.

Bằng cách xây dựng một đội ngũ đầu tư chuyên nghiệp, nghiệp vụ tự doanh sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao lợi nhuận và thúc đẩy đà tăng trưởng của Công ty. Trên cơ sở hiệu suất sinh lời tốt, PHS sẽ xem xét để gia tăng hạn mức đầu tư cho nghiệp vụ tự doanh và cũng sẽ đầu tư thêm các nguồn lực để đào tạo đội ngũ nhân viên tiềm năng – tiền đề để thành lập nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư vốn có nhiều hứa hẹn trong tương lai.

PHÒNG MARKETING

Trong năm 2017, PHS sẽ tiếp tục với các hoạt động tiếp thị để hiển sự tri ân đến các khách hàng. Bên cạnh đó, việc duy trì mối liện hệ gần gũi với báo chí cũng là một cách thức quan trọng để giữ cho các nhà đầu tư cập nhật với các thông tin, tin tức và sự kiện của PHS.

Hơn nữa, PHS sẽ tiếp tục nỗ lực kết nối và chia sẻ với các nhà đầu tư thông qua phương tiện truyền thông như TV Show, Facebook, LinkedIn, và YouTube. Thông qua các kênh này, PHS mong muốn cung cấp các nhà đầu tư và những người theo dõi một cái nhìn chân thận về cách thức làm việc chủ động và văn hóa doanh nghiệp của Công ty.

PHS sẽ tiếp tục hợp tác với FBNC (Financial & Business News Channel) để sản xuất chương trình độc quyền của riêng Công ty. Dự án này dự kiến sẽ hỗ trợ các nhà đầu tư ra quyết định đầu tư tốt hơn, từ đó nâng cao uy tín và nhận diện thương hiệu của Công ty.

Điểm cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng trong thời gian sắp tới là Công ty sẽ tổ chức nhiều hoạt động tiếp thị nội bộ để thắt chặt tình đoàn kết của nhân viên, nâng cao tinh thần làm việc trong văn phòng, và củng cố niềm tin và sự đoàn kết của nhân viên.

PHÒNG QUẢN LÝ RỦI RO

Sau những thành tựu đạt được và thách thức năm ngoái, chính sách quản lý rủi ro trong năm 2017 sẽ được cập nhật để đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, tính đồng nhất và tính bền vững song song với việc tăng trưởng kinh doanh. Phòng quản lý rủi ro sẽ chú ý nhiều hơn để hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro nhằm đối phó đối với một loạt các rủi ro có thể gặp phải trên thị trường tài chính.

PHÒNG NHÂN SỰ

Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cho tương lai, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào môi giới khách hàng bán lẻ, phát triển mạnh số lượng các môi giới để thu hút khách hàng mới và duy trì đội ngũ nhân viên hiện tại. Đồng thời, công ty cũng tập trung vào các chiến lược phát triển chất lượng nguồn nhân lực, liên tục đào tạo và tái đào tạo lực lượng hiện có, xây dựng đội ngũ những người kế nhiệm xứng đáng.

Mặt khác, Công ty đang đầu tư nguồn lực nhiều nhất để tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân

thiện, PHS tập trung vào việc phát triển văn hóa công ty, tăng cường tuân thủ kỷ luật và cải thiện chính sách, thu hút lao động có chất lượng cao để làm việc cho Công ty.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2016: 78.661.000 đồng.
- Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên trong năm 2016: 152.877.340 đồng.
- Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2016: 126.000 đồng/ người/ năm.
- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2016: 4.121.365 đồng/ người.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2016, Công ty đã chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương, thực hiện tốt hoạt động xã hội cộng đồng và trách nhiệm với công tác an sinh xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2016

Năm 2016 nền kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng GDP là 6,21%, thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015, không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, và là năm đầu tiên có mức tăng chậm lại kể từ 2012. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, còn tình hình trong nước lại gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biển diễn biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng như trên là một thành công. Đồng thời, mức tăng trưởng này cũng đã vượt dự đoán 6% mà Ngân hàng Thế giới đưa ra. Mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong quý 4 vượt lên ở mức 6,68%, cao nhất trong năm và Việt Nam vẫn là một trong các nền kinh tế châu Á tăng trưởng nhanh nhất.

Trong năm 2016, khối lượng xuất khẩu hàng hóa ở Việt Nam đã tăng lên, trong khi đó sự suy thoái trong thương mại toàn cầu đã ảnh hưởng rất tiêu cực đến Singapore và Trung Quốc. Việc thành lập các doanh nghiệp khổng lồ như Samsung Electronics Co, biến Việt Nam thành một trung tâm sản xuất hàng điện tử quốc tế. Sự tăng trưởng mạnh mẽ sẽ tiếp tục trong vài năm tới. Việt Nam sẽ tăng thị phần xuất khẩu trên quy mô toàn cầu và sẽ thách thức Trung Quốc trong lĩnh vực này. Các công ty nước ngoài sẽ tiếp tục đầu tư vào Việt Nam để tận dụng lực lượng lao động giá rẻ và trình độ cao. Việt Nam đang có triển vọng rất tươi sáng, và có thể trở thành một trong những nền kinh tế lớn nhất ở châu Á.

Chính bởi vậy các nhà đầu tư đang đặt cược vào Việt Nam. Lần đầu tiên trong hai năm qua, cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam được định giá cao hơn so với cổ phiếu của các nước láng giềng trong khu vực. Kết quả này được bảo đảm bởi các chỉ số kinh tế vĩ mô tốt của nền kinh tế Việt Nam và sự ổn định chính trị trong nước, trong khi những nước khác trong khu vực đang đối mặt những thay đổi chính trị và khủng hoảng kinh tế. Bây giờ là thời điểm tốt để đầu tư vào Việt Nam, bởi vì chính phủ đang thực hiện quá trình tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước rất quyết liệt.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016

Kết quả kinh doanh năm 2016 của chúng tôi chịu ảnh hưởng đồng thời từ các yêu tố tích cực và tiêu cực của thị trường trong nước và quốc tế. Kết quả hoạt động của các khối kinh doanh nhìn chung đều có khởi sắc. Trong nửa đầu năm 2016, PHS đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Doanh thu của Công ty tăng đều và ổn định qua các quý của năm 2016, cụ thể, doanh thu trong quý 1 là hơn 19 tỷ đồng, quý 2 là

gần 29 tỷ đồng, quý 3 là hơn 31 tỷ đồng, quý 4 là hơn 26 tỷ đồng. Tổng doanh thu cả năm đạt hơn 105 tỷ đồng, tăng gần 30% so với tổng doanh thu năm 2015 và đạt gần 90% kế hoạch năm 2016 do Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt.

Tuy Công ty tiếp tục báo cáo lỗ sau thuế trong năm 2016, nhưng mức lỗ đã giảm đáng kể, chỉ còn không bằng 50% mức lỗ của năm 2015. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải thiện và sẽ tiếp tục hướng đến các kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

NHỮNG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2016

Năm 2016 là năm cải cách chiến lược của PHS. Việc hoàn thành hợp nhất với Công ty Chứng khoán An Thành là một cột mốc quan trọng giúp PHS củng cố tiềm lực tài chính, nâng cao sức mạnh hoạt động của doanh nghiệp, và tạo uy tín với các đối tác. Từ đó, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh để Công ty đạt được các thành tích đột phá trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, trong năm 2016, Công ty cũng xây dựng bộ chính sách chiến lược cho nghiệp vụ giao dịch ký quỹ. Cụ thể, Công ty tiếp tục đưa ra các giải pháp nâng cao tính an toàn cho danh mục chứng khoán ký quỹ, vốn vẫn đang được Công ty quản lý rủi ro rất chặt chẽ theo phương châm hoạt động truyền thống của Công ty. Đối với bộ chính sách mới này, Công ty chấp nhận các hạn chế có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của doanh thu trong ngắn hạn. Thay vào đó, Công ty mong đợi vào khả năng phát triển bền vững và an toàn cho cả Công ty và nhà đầu tư.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Là một trong các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam, chúng tôi có trách nhiệm góp phần xây dựng thị trường vốn không ngừng nghỉ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới. Chúng tôi luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và trong ngành. PHS thường xuyên tổ chức kết nối giữa các doanh nghiệp tài chính cũng như các chuyên gia Đài Loan với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch nhằm giao lưu chia sẻ thông tin và kinh nghiệm triển khai các sản phẩm tài chính mới đối với thị trường Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng mục đích của việc kinh doanh không chỉ đơn giản là tập trung vào lợi nhuận. Thông qua việc đóng góp và tham gia xây dựng thị trường, chúng tôi luôn giữ vai trò là người tiên phong trong việc định hướng tương lai cho thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

NUÔI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ

PHS nhận thức được trách nhiệm của mình là đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Trong đó, PHS luôn chú trọng xây dựng các chiến lược phát triển để nâng cao chuyên môn và kinh

nghiệm của nhân viên. Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất và việc nuôi dưỡng, phát triển nhân lực cũng là yếu tố chính cho sự phát triển bền vững của PHS.

Một trong những hoạt động trách nhiệm xã hội của PHS là thường xuyên định kỳ tổ chức các buổi giao lưu, đào tạo đối với sinh viên các trường Đại học nhằm giúp các bạn trẻ định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán cũng như hỗ trợ các bạn trau dồi các kĩ năng, tạo cơ hội cho các bạn tham gia môi trường kinh doanh thực tế, thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh và kích thích sự phát triển của các bạn.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGĐ điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGĐ đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Ban TGĐ đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong Đại hội cổ đông thường niên năm vừa rồi. Các chính sách quản lý của Ban TGĐ đã chứng minh tính hiệu quả khi chỉ trong một thời gian ngắn đã đưa mức lỗ sau thuế của Công ty năm 2016 giảm chỉ còn khoảng 7 tỷ đồng, giảm đến hơn 53% so với mức lỗ gần 15 tỷ đồng trong năm 2015. Tổng doanh thu 2016 cũng ghi nhận mức tăng đáng khích lệ là gần 30%, cao hơn rất nhiều so với mức tăng chỉ khoảng 6.6% trong năm 2015.

HĐQT tin tưởng và sẽ tiếp tục giao cho Ban TGĐ những mục tiêu cao hơn để dần đưa Công ty đạt được nhiều thành tựu hơn trong thời gian tới.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi dự đoán là điều kiện kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục có nhiều biến động mạnh trong năm 2017. Với các thay đổi khó lường trong tình hình chính trị thế giới, các chính sách kinh tế-tài chính mới ở Hoa Kỳ và Châu Âu sẽ tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam.

Khủng hoảng Brexit vẫn tiếp tục là vấn đề nhức nhối trong khu vực châu Âu. Tuy nhiên, vẫn có các tín hiệu khả quan trong nước mở ra cơ hội phát triển cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Yếu tố vĩ mô ổn định, lạm phát và tỷ giá được kiểm soát tạo tiền đề tăng trưởng GDP. Các quy định về giới hạn sở hữu của nhà đầu tư được nới lỏng

hơn, các thương vụ IPO đầy hứa hẹn, các hiệp định thương mại tự do và chính sách phát triển thị trường chứng khoán phái sinh được hiện thực hóa vào đầu năm 2017 là các yếu tố thuyết phục để củng cố nền tảng cho thị trường chứng khoán nội địa. Trong bối cảnh đó, và nhằm mục tiêu nâng cao giá trị cổ đông một cách bền vững, HĐQT sẽ tập trung vào các hoạt động sau trong năm 2017:

- Củng cố và đẩy mạnh phát triển các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty thông qua việc mở rộng mạng lưới hoạt động và đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp cũng như trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán và kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua việc nâng cao năng lực của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, và nâng cao vai trò của thành viên HĐQT độc lập
- Tập trung chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ của công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả, và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, đặc biệt là trên các phương diện an toàn thông tin, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và cho vay ký quỹ
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc tiếp tục phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới phù hợp với thông lệ quốc tế, yêu cầu luật định và đáp ứng nhu cầu khách hàng
- Nghiên cứu triển khai các mô hình hoạt động hiệu quả hỗ trợ phát triển thị trường chứng khoán phái sinh
- Đẩy mạnh phát triển, nâng cao giá trị doanh nghiệp trên nền tảng phát triển bền vững thông qua việc tham gia xây dựng kế hoạch chiến lược cho các hoạt động trách nhiệm xã hội
- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực kế thừa ở cấp lãnh đạo điều hành

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

PHS không phải là công ty niêm yết.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ từ ngày 20 tháng 1 năm 2016 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÁC VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 1(a) của báo cáo tài chính trong đó có mô tả là Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("PHS") - được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK- GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành ("ATS"). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản - tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn cổ phần của Công ty. Phương pháp kế toán cho việc hợp nhất này được trình bày trong Phương án Hợp nhất đã được Đại hội đồng cổ đông của PHS thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Đại hội đồng cổ đông của ATS thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2015 chấp thuận cho PHS và ATS được thực hiện hợp nhất theo phương án hợp nhất đã được đại hội đồng cổ đông của PHS và ATS thông qua. Phương pháp kế toán này không nhất quán với phương pháp mua áp dụng cho việc hợp nhất kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh yêu cầu đo lường các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 16-01-178/1

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 2 năm 2017

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Mẫu B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND
	TÀI SẢN			
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)**	**100**		**754.769.544.559**
I	**Tài sản tài chính**	**110**		**753.197.145.380**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7	103.329.171.322
1.1	*Tiền*	*111.1*		3.233.337.989
1.2	*Các khoản tương đương tiền*	*111.2*		*100.095.833.333*
2	Các TSTC ghi nhận theo FVTPL	112	9(a)	182.880.050
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	9(b)	80.000.000.000
4	Các khoản cho vay	114	9(c)	556.865.515.444
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	14(a)	(2.515.056.204)
7	Các khoản phải thu	117	11	11.512.782.688
7.2	*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính ("TSTC")*	*117.2*		*11.512.782.688*
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	12	306.694.679
12	Các khoản phải thu khác	122	13	13.216.473.532
13	Dự phòng phải thu khó đòi	129	14(b)	(9.701.316.131)
II	**Tài sản ngắn hạn khác**	**130**		**1.572.399.179**
1	Tạm ứng	131		121.000.000
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	15(a)	1.451.399.179
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)**	**200**		**12.906.307.909**
II	**Tài sản cố định**	**220**		**6.772.005.511**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.094.347.256
	Nguyên giá	*222*		*24.686.392.104*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223a*		*(23.592.044.848)*
3	Tài sản cố định vô hình	227	17	5.677.658.255
	Nguyên giá	*228*		*11.924.839.100*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229a*		*(6.247.180.845)*

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND
V	**Tài sản dài hạn khác**	**250**		**6.134.302.398**
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	18	1.820.835.924
2	Chi phí trả trước dài hạn	252	15(b)	4.193.466.474
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	19	120.000.000
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**767.675.852.468**
C	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)**	**300**		**456.587.889.911**
I	**Nợ phải trả ngắn hạn**	**310**		**455.874.298.946**
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		384.735.000.000
1.1	*Vay ngắn hạn*	312	20	384.735.000.000
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	21	54.182.521.585
8	Phải trả người bán	320		74.350.001
9	Người mua trả tiền trước	321		155.512.000
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	22	947.680.680
11	Phải trả người lao động	323		915.000
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		372.373.273
13	Chi phí phải trả	325	23	6.147.100.173
17	Các khoản phải trả khác	329	24	9.258.846.234
II	**Nợ phải trả dài hạn**	**340**		**713.590.965**
10	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		304.878.465
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		408.712.500
D	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**311.087.962.557**
I	Vốn chủ sở hữu	410		311.087.962.557
1	Vốn cổ phần	411		319.998.815.000
1.1	*Vốn cổ phần*	*411.1*		*320.000.000.000*
1.5	*Cổ phiếu quỹ*	*411.5*		*(1.185.000)*
7	Lỗ lũy kế	417		(8.910.852.443)
7.1	*Lỗ đã thực hiện*	*417.1*		*(6.963.305.861)*
7.2	*Lỗ chưa thực hiện*	*417.2*		*(1.947.546.582)*
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	**440**		**767.675.852.468**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Mã số	31/12/2016 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY		
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	31.999.510
7	Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của Công ty	008	32.180.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	4.570.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	20.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG		
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư/khách hàng	021	1.684.308.080.000
	a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	*021.1*	*1.656.798.230.000*
	b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	*021.2*	*90.200.000*
	c. TSTC giao dịch cầm cố	*021.3*	*600.000.000*
	d. TSTC phong tỏa, tạm giữ	*021.4*	*70.000*
	e. TSTC chờ thanh toán	*021.5*	*26.819.580.000*
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư/khách hàng	022	39.932.740.0
	a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	*022.1*	*39.422.740.0*
	b. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	*022.2*	*510.000.000*
3	TSTC chờ về của Nhà đầu tư/khách hàng	023	29.065.500.000
6	TSTC được hưởng quyền của Nhà đầu tư/khách hàng	025	3.746.110.000

		Mã số	31/12/2016 VND
7	Tiền gửi của khách hàng	026	46.537.168.092
7.1	Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027	46.513.779.696
7.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	23.388.396
	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	*029.1*	*12.158.513*
	b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	*029.2*	*11.229.883*
8	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	46.537.168.092
8.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	40.307.588.764
8.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	6.229.579.328

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO KỲ TỪ NGÀY 20 THÁNG 1 NĂM 2016 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

		Mã số	Thuyết minh	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
I	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**			
1.1	Lãi từ các tài sản sản chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	01		101.719.385
	a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	*01.1*		*94.486.575*
	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	*01.3*		*7.232.810*
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02		7.255.399.813
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25	63.635.602.177
1.6	Doanh thu môi giới chứng khoán	06		32.722.585.735
1.8	Doanh thu tư vấn	08		167.129.701
1.9	Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		574.558.774
1.11	Thu nhập hoạt động khác	11		681.010.621
	Cộng doanh thu hoạt động	**20**		**105.138.006.206**
II	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**			
2.1	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		52.539.780
	a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	*21.1*		*49.993.198*
	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	*21.2*		*2.546.582*
2.4	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	23	14	2.515.056.204
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	26		705.496.085
2.7	Chi phí môi giới chứng khoán	27	26	41.309.516.565
2.9	Chi phí tư vấn	29		1.033.823.534
2.10	Chi phí lưu ký chứng khoán	30		741.625.394
2.12	Chi phí hoạt động khác	32		(1.147.998.551)
	Cộng chi phí hoạt động	**40**		**45.210.059.011**
III	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		206.166
3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42		401.175.207
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	**50**		**401.381.373**
IV	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**			
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		3.260.469.826
4.2	Chi phí lãi vay	52	27	29.157.226.140
	Cộng chi phí tài chính	**60**		**32.417.695.966**

		Mã số	Thuyết minh	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
VI	**CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**62**	**28**	**35.942.762.047**
VII	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 – 60 – 62)**	**70**		**(8.031.129.445)**
VIII	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**			
8.1	Thu nhập khác	71		854.530.839
8.2	Chi phí khác	72		2.443.837
	Cộng kết quả hoạt động khác	**80**		**852.087.002**
IX	**TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)**	**90**		**(7.179.042.443)**
9.1	Lỗ đã thực hiện	91		(5.231.495.861)
9.2	Lỗ chưa thực hiện	92		(1.947.546.582)
X	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**	**100**		
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	-
10.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	29	-
XI	**LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)**	**200**		**(7.179.042.443)**
XII	**THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC**	**300**		-
XIII	**THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU**	**500**		
13.1	Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	501	30	(266)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO KỲ TỪ NGÀY 20 THÁNG 1 NĂM 2016 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

	Mã số	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Lỗ trước thuế	**01**	**(7.179.042.443)**
2. Điều chỉnh cho các khoản	**02**	**30.670.331.437**
Khấu hao và phân bổ	03	2.087.106.946
Các khoản dự phòng	04	1.360.604.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	1.945.000.000
Chi phí lãi	06	29.157.226.140
Dự thu tiền lãi	08	(3.879.606.410)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	**10**	**2.546.582**
Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	2.546.582
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	**20**	**(3.636.364)**
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	28	(3.636.364)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 20)	**30**	**23.490.199.212**
Tăng TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(158.191.287)
Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(30.000.000.000)
Tăng các khoản cho vay	33	(17.682.623.474)
Giảm các tài sản khác	35	8.753.633.617
Giảm các khoản phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	37	7.717.431.594
Giảm các khoản phải thu khác	39	10.108.698.177
Giảm chi phí phải trả	41	(904.814.807)
Tăng chi phí trả trước	42	153.874.355
Lãi đã trả	44	(30.271.459.094)
Giảm phải trả cho người bán	45	(56.006.803)
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	27.252.000
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	203.130.357
Giảm phải trả người lao động	48	(34.372.782)
Giảm các khoản phải trả khác	50	(1.386.290.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**60**	**(30.039.539.626)**

	Mã số	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(437.696.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	62	3.636.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**70**	**(434.059.636)**
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71	117.414.930.000
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	72	(1.147.119)
Tiền thu từ đi vay	73	2.832.509.843.669
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(2.912.719.843.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**80**	**37.203.782.881**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**90**	**6.730.183.619**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**101**	**-**
Tiền và các khoản tương đương tiền được chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))		**96.598.987.703**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 7)	**103**	**103.329.171.322**
Tiền	*103.1*	*3.233.337.989*
Các khoản tương đương tiền	*103.2*	*100.095.833.333*

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Thuyết minh	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	9.672.529.214.810
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(9.665.395.405.250)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	15.412.155.447.383
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(15.414.721.561.510)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(802.166.371)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**20**	**3.765.529.062**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	**30**	**-**
Tiền và các khoản tương đương tiền được chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))		**42.771.639.030**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	**40**	**46.537.168.092**
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41	46.537.168.092
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	*42*	*46.513.779.696*
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	*44*	*23.388.396*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRONG KỲ

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu được chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	
Tài sản	
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL	24.582.257
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000
Các khoản cho vay	539.182.891.970
Các khoản phải thu	7.633.176.278
Phải thu các dịch vụ cung cấp	8.024.126.273
Các khoản phải thu khác	12.451.075.743
Tạm ứng	157.532.500
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.236.823.249
Tài sản cố định hữu hình	1.657.945.469
Tài sản cố định vô hình	6.824.197.059
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.579.259.924
Chi phí trả trước dài hạn	4.561.916.759
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	9.020.604.134
	642.354.131.615
Nợ phải trả	
Vay ngắn hạn	463.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	64.658.203.000
Phải trả người bán	115.856.804
Người mua trả tiền trước	170.012.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	744.550.323
Phải trả người lao động	35.287.782
Chi phí phải trả	8.166.147.934
Các khoản phải trả khác	495.038.902
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	304.878.465
Dự phòng phải trả dài hạn	409.879.167
	538.099.854.377
Vốn chủ sở hữu	
Vốn chủ sở hữu	200.853.264.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ TỪ NGÀY 20 THÁNG 1 NĂM 2016 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("PHS") – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành ("ATS"). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn cổ phần của Công ty. Phương pháp kế toán cho việc hợp nhất này được trình bày trong Phương án Hợp nhất đã được Đại hội đồng cổ đông của PHS thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Đại hội đồng cổ đông của ATS thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2015 chấp thuận cho PHS và ATS được thực hiện hợp nhất theo phương án hợp nhất đã được đại hội đồng cổ đông của PHS và ATS thông qua. Phương pháp kế toán này không nhất quán với phương pháp mua áp dụng cho việc hợp nhất kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh yêu cầu đo lường các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 như sau:

	TÀI SẢN	Mã số	19/1/2016 VND PHS	19/1/2016 VND ATS	19/1/2016 VND Giá trị cộng gộp của PHS và ATS
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)**	**100**	**682.158.357.965**	**33.150.838.008**	**715.309.195.973**
I	**Tài sản tài chính**	**110**	**680.847.102.172**	**33.067.738.052**	**713.914.840.224**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	73.577.329.031	23.021.658.672	96.598.987.703
1.1	*Tiền*	*111.1*	*15.814.921.357*	*23.021.658.672*	*38.836.580.029*
1.2	*Các khoản tương đương tiền*	*111.2*	*57.762.407.674*	-	*57.762.407.674*
2	Các TSTC ghi nhận theo FVTPL	112	24.582.257	-	24.582.257
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	50.000.000.000	-	50.000.000.000
4	Các khoản cho vay	114	529.144.467.310	10.038.424.660	539.182.891.970
7	Các khoản phải thu	117	7.633.176.278	-	7.633.176.278
7.2	*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC*	*117.2*	*7.633.176.278*	-	*7.633.176.278*
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	8.024.126.273	-	8.024.126.273
12	Các khoản phải thu khác	122	31.889.484.553	5.375.576.568	37.265.061.121
13	Dự phòng phải thu khó đòi	129	(19.446.063.530)	(5.367.921.848)	(24.813.985.378)
II	**Tài sản ngắn hạn khác**	**130**	**1.311.255.793**	**83.099.956**	**1.394.355.749**
1	Tạm ứng	131	157.532.500	-	157.532.500
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	1.153.723.293	83.099.956	1.236.823.249
B	**Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250)**	**200**	**21.530.063.389**	**2.113.859.956**	**23.643.923.345**
II	**Tài sản cố định**	**220**	**8.482.142.528**	**-**	**8.482.142.528**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	1.657.945.469	-	1.657.945.469
	Nguyên giá	*222*	*19.458.860.630*	*4.874.635.474*	*24.333.496.104*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223a*	*(17.800.915.161)*	*(4.874.635.474)*	*(22.675.550.635)*
3	Tài sản cố định vô hình	227	6.824.197.059	-	6.824.197.059
	Nguyên giá	*228*	*8.207.038.400*	*3.763.179.700*	*11.970.218.100*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229a*	*(1.382.841.341)*	*(3.763.179.700)*	*(5.146.021.041)*
V	**Tài sản dài hạn khác**	**250**	**13.047.920.861**	**2.113.859.956**	**15.161.780.817**
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	1.219.804.924	359.455.000	1.579.259.924
2	Chi phí trả trước dài hạn	252	4.537.491.874	24.424.885	4.561.916.759
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.290.624.063	1.729.980.071	9.020.604.134
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**	**703.688.421.354**	**35.264.697.964**	**738.953.119.318**

		Mã số	19/1/2016 VND PHS	19/1/2016 VND ATS	19/1/2016 VND Giá trị cộng gộp của PHS và ATS
C.	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)**	**300**	**537.304.736.634**	**795.117.743**	**538.099.854.377**
I	**Nợ phải trả ngắn hạn**	**310**	**536.894.857.467**	**490.239.278**	**537.385.096.745**
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	463.000.000.000	-	463.000.000.000
1.1	*Vay ngắn hạn*	*312*	*463.000.000.000*	-	*463.000.000.000*
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	64.658.203.000	-	64.658.203.000
8	Phải trả người bán	320	11.115.862	104.740.942	115.856.804
9	Người mua trả tiền trước	321	165.512.000	4.500.000	170.012.000
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	487.966.914	256.583.409	744.550.323
11	Phải trả người lao động	323	-	35.287.782	35.287.782
13	Chi phí phải trả	325	8.129.703.158	36.444.776	8.166.147.934
17	Các khoản phải trả khác	329	442.356.533	52.682.369	495.038.902
II	**Nợ phải trả dài hạn**	**340**	**409.879.167**	**304.878.465**	**714.757.632**
10	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352	-	304.878.465	304.878.465
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354	409.879.167	-	409.879.167
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**	**166.383.684.720**	**34.469.580.221**	**200.853.264.941**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**166.383.684.720**	**34.469.580.221**	**200.853.264.941**
1	Vốn cổ phần	411	347.450.000.000	41.254.256.853	388.704.256.853
1.1	*Vốn cổ phần*	*411.1*	*347.450.000.000*	*41.000.000.000*	*388.450.000.000*
1.4	*Vốn khác*	*411.5*	-	*254.256.853*	*254.256.853*
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	415	2.033.547.307	-	2.033.547.307
5	Quỹ dự phòng tài chính	417	-	147.260.702	147.260.702
7	Lỗ lũy kế	417	(183.099.862.587)	(6.931.937.334)	(190.031.799.921)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	**440**	**703.688.421.354**	**35.264.697.964**	**738.953.119.318**

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn cổ phần của Công ty là 320.000.000.000 VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 149 nhân viên.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty là từ ngày 20 tháng 1 năm 2016 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hợp nhất kinh doanh

Theo phương án hợp nhất của PHS và ATS, toàn bộ tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn cổ phần của Công ty. Phương pháp kế toán cho việc hợp nhất này được trình bày trong Phương án Hợp nhất đã được Đại hội đồng cổ đông của PHS thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Đại hội đồng cổ đông của ATS thông
qua ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2015 chấp thuận cho PHS và ATS được thực hiện hợp nhất theo phương án hợp nhất đã được đại

hội đồng cổ đông của PHS và ATS thông qua. Phương pháp kế toán này không nhất quán với phương pháp mua áp dụng cho việc hợp nhất kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* yêu cầu đo lường các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới ban hành cho công ty chứng khoán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 ("Thông tư 95") của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210.

Hơn nữa, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty sẽ phải áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý cho một số công cụ tài chính và thuyết minh về cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này. Công ty chưa xác định ảnh hưởng của việc áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý cho một số công cụ tài chính đối với báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2017 trở đi.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày báo cáo.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 4(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 4(e);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 4(f).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Chứng khoán nắm giữ để kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Chứng khoán nắm giữ để kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Chứng khoán nắm giữ để kinh doanh chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung ("thị trường OTC") được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các giá giao dịch gần nhất từ ba công ty chứng khoán nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo.

Chứng khoán nắm giữ để kinh doanh chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền dự kiến.

Dự phòng giảm giá chứng khoán nắm giữ để kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán nắm giữ để kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản cho vay được lập theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 4(g).

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

Thời gian quá hạn	*Tỷ lệ trích lập dự phòng*
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp

thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho PHS, ATS và Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp
luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi cấn trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu. Công ty không trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc này bởi vì Công ty có một khoản lỗ cho kỳ từ ngày 20 tháng 1 năm 2016 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(p) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán ("VSD") (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp.

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và kinh doanh nguồn vốn. Báo cáo bộ phận của Công ty được dựa trên những lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và kinh doanh nguồn vốn. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.
Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự
có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	103.324.313.467
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	80.000.000.000
Các khoản cho vay (ii)	556.865.515.444
Các khoản phải thu	11.512.782.688
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	306.694.679
Các khoản phải thu khác	13.216.473.532
Tạm ứng	121.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.820.835.924
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	120.000.000
	767.287.615.734

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2016 VND
Các khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	12.703.014.438

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị quá hạn và bị tổn thất:

	31/12/2016 VND
Tiền gửi tại Công ty	46.889
Chứng khoán niêm yết tại	477.290.670
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	118.397.670
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	134.593.000
▪ UPCOM	224.300.000
Chứng khoán bị hủy niêm yết	3.135.654.200
	3.612.991.759

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Vay ngắn hạn	384.735.000.000	387.597.929.571	387.597.929.571	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	54.182.521.585	54.182.521.585	54.182.521.585	-
Phải trả người bán	74.350.001	74.350.001	74.350.001	-
Chi phí phải trả	6.147.100.173	6.147.100.173	6.147.100.173	-
Các khoản phải trả khác	9.258.846.234	9.258.846.234	9.258.846.234	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	304.878.465	304.878.465	-	304.878.465
	454.702.696.458	457.565.626.029	457.260.747.564	304.878.465

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD").

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

		31/12/2016
	USD	**Tương đương VND**
Vay ngắn hạn	6.500.000	148.135.000.000

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2016
USD/VND	22.790

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lỗ thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đối với lỗ thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – tăng lỗ thuần	(1.185.080.000)

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lỗ thuần của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ 31/12/2016 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định	
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.324.313.467
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	80.000.000.000
Các khoản cho vay	554.350.459.240
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	120.000.000
Vay ngắn hạn	(384.735.000.000)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	31/12/2016 Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL		
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL		
• Cổ phiếu niêm yết	179.259.117	185.289.180
• Cổ phiếu chưa niêm yết	6.167.515	(*)

Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	103.324.313.467	103.324.313.467
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	80.000.000.000	(*)
▪ Các khoản cho vay	554.350.459.240	(*)
▪ Các khoản phải thu	11.512.782.688	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	306.694.679	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	3.515.157.401	(*)
▪ Tạm ứng	121.000.000	(*)
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.820.835.924	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	120.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
▪ Vay ngắn hạn	(384.735.000.000)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(54.182.521.585)	(*)
▪ Phải trả người bán	(74.350.001)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(6.147.100.173)	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	(9.258.846.234)	(*)
▪ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(304.878.465)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

6. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
Kỳ từ ngày 20 tháng 1 năm 2016 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	32.707.538.788	101.719.385	71.299.936.363	1.430.193.043	105.539.387.579
2. Chi phí trực tiếp	02	43.916.007.571	760.079.293	58.155.388.027	9.802.377.575	112.633.852.466
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	398.168.863	-	1.688.938.083	-	2.087.106.946
4. Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	04	-	-	(1.147.998.551)	-	(1.147.998.551)
5. Thu nhập khác	05	-	-	-	854.530.839	854.530.839
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (06 = 01 + 05 – 02 – 03 – 04)	**06**	**(11.606.637.646)**	**(658.359.908)**	**12.603.608.804**	**(7.517.653.693)**	**(7.179.042.443)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm2016						
Tài sản bộ phận		501.176.284	186.772.231	766.832.131.868	155.772.085	767.675.852.468
Nợ phải trả bộ phận		8.550.963.556	67.347.000	439.094.694.619	8.874.884.736	456.587.889.911

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND
Tiền mặt	4.857.855
Tiền gửi ngân hàng	3.228.480.134
Các khoản tương đương tiền	100.095.833.333
	103.329.171.322

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản tiền và tương đương tiền trị giá 100.000.000.000 VND được cầm cố cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 20).

8. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	241.302	8.022.115.910
b) Của nhà đầu tư/khách hàng		
Cổ phiếu	1.203.347.570	19.320.684.784.770
Chứng khoán khác	4.310	41.250.000
	1.203.593.182	19.328.748.150.680

9. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	Giá gốc VND	31/12/2016 Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	179.259.117	185.289.180
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.167.515	(*)
Dự phòng giảm giá TSTC ghi nhận theo FVTPL (Thuyết minh số 10)	(2.546.582)	(*)
	182.880.050	(*)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc VND	31/12/2016 Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	80.000.000.000	(*)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 61.500.000.000 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 20).

(c) Các khoản cho vay

	Giá gốc VND	31/12/2016 Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	535.088.652.648	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	21.776.862.796	(*)
	556.865.515.444	(*)

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,029% đến 0,039%. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 50% và tỷ lệ ký quỹ duy trì là 30% - 40%.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất ngày từ 0,029% đến 0,039% và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

10. Dự phòng giảm giá TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ

Mô tả	Số lượng	Giá gốc VND	31/12/2016 Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết	523	7.024.232	4.477.650	2.546.582

11. Các khoản phải thu

	31/12/2016 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	8.261.947.445
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.250.835.243
	11.512.782.688

12. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2016 VND
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	82.497.875
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	224.130.454
Phải thu khác	66.350
	306.694.679

13. Các khoản phải thu khác

	31/12/2016 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	12.703.014.438
Phải thu khác	513.459.094
	13.216.473.532

(i) Số dư này phản ánh các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán xảy ra trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

14. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi

(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	Giá gốc tại ngày 31/12/2016 VND	Số dư đầu kỳ tại ngày 20/1/2016 VND	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a)) VND	Dự phòng trích lập trong kỳ VND	Dự phòng hoàn nhập trong kỳ VND	Dự phòng sử dụng trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2016 VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	3.903.756.204	-	-	2.515.056.204	-	-	2.515.056.204

(b) Dự phòng phải thu khó đòi	Giá gốc tại ngày 31/12/2016 VND	Số dư đầu kỳ tại ngày 20/1/2016 VND	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a)) VND	Dự phòng trích lập trong kỳ VND	Dự phòng hoàn nhập trong kỳ VND	Dự phòng sử dụng trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2016 VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	12.703.014.438	-	19.446.063.530	157.561.399	(637.465.802)	(9.264.842.996)	9.701.316.131
Các khoản phải thu khác	-	-	5.367.921.848	-	(692.880.373)	(4.675.041.475)	-
	12.703.014.438	-	24.813.985.378	157.561.399	(1.330.346.175)	(13.939.884.471)	9.701.316.131

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND
Phần mềm máy vi tính	301.959.639
Chi phí thuê	609.727.614
Các chi phí trả trước khác	539.711.926
	1.451.399.179

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND
Công cụ, dụng cụ	1.181.381.276
Các chi phí trả trước khác	3.012.085.198
	4.193.466.474

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Số dư đầu kỳ	-
Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	4.561.916.759
Tăng trong kỳ	1.892.786.269
Phân bổ trong kỳ	(2.261.236.554)
Số dư cuối kỳ	4.193.466.474

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	1.734.108.818	22.599.387.286	24.333.496.104
Tăng trong kỳ	-	404.096.000	404.096.000
Thanh lý	-	(51.200.000)	(51.200.000)
Số dư cuối kỳ	1.734.108.818	22.952.283.286	24.686.392.104
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	1.284.157.676	21.391.392.959	22.675.550.635
Khấu hao trong kỳ	187.496.018	780.198.195	967.694.213
Thanh lý	-	(51.200.000)	(51.200.000)
Số dư cuối kỳ	1.471.653.694	22.120.391.154	23.592.044.848
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	262.455.124	831.892.132	1.094.347.256

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 22.256.593.777 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	-
Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	11.970.218.100
Tăng trong kỳ	33.600.000
Phân loại lại	(78.979.000)
Số dư cuối kỳ	11.924.839.100
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	-
Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	5.146.021.041
Khấu hao trong kỳ	1.119.412.733
Phân loại lại	(18.252.929)
Số dư cuối kỳ	6.247.180.845
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	5.677.658.255

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 4.472.694.700 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

18. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2016 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	1.820.835.924

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2016 VND
19. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	120.000.000

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Số dư đầu kỳ	-
Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	9.020.604.134
Tiền hoàn trả từ VSD	(9.020.604.134)
Tiền nộp thêm trong kỳ	120.000.000
Số dư cuối kỳ	120.000.000

20. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Lãi suất (năm)	Số dư đầu kỳ tại ngày 20/1/2016 VND	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a)) VND	Số vay trong kỳ VND	(Số trả trong kỳ) VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2016 VND
Các khoản vay ngắn hạn từ							
▪ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh TP. HCM (i)	7,0%	-	10.000.000.000	60.000.000.000	(50.000.000.000)	-	20.000.000.000
▪ Ngân hàng Cathay United – Chi nhánh Chu Lai (i)	5,0%-6,8%	-	30.000.000.000	137.000.000.000	(117.000.000.000)	-	50.000.000.000
▪ BIDV – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6,8%	-	-	1.188.318.393.669	(1.165.518.393.669)	-	22.800.000.000
▪ Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd – Chi nhánh TP. HCM (i)	7,0%	-	10.000.000.000	40.000.000.000	(50.000.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng Indovina Bank – Chi nhánh TP. HCM (i)	4,3%-7,0%	-	30.000.000.000	123.000.000.000	(123.000.000.000)	-	30.000.000.000
▪ Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Đồng Nai	7,9%-8,2%	-	30.000.000.000	30.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Hồng Kông	LIBOR 6 tháng + 2,5%	-	-	78.005.000.000	(44.570.000.000)	750.000.000	34.185.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon – Chi nhánh TP. HCM	3,7%-7,1%	-	12.400.000.000	45.000.000.000	(57.400.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh TP. HCM (i)	6,2%-8,2%	-	14.600.000.000	527.010.000.000	(507.810.000.000)	-	33.800.000.000

20. Vay ngắn hạn (tiếp theo)

Diễn giải	Lãi suất (năm)	Số dư đầu kỳ tại ngày 20/1/2016 VND	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a)) VND	Số vay trong kỳ VND	(Số trả trong kỳ) VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2016 VND
▪ Ngân hàng CTBC – Chi nhánh TP. HCM (i)	7,5%	-	20.000.000.000	96.500.000.000	(116.500.000.000)	-	-
▪ Công ty Cổ phần CX Technology (Việt Nam)	8,5%	-	84.000.000.000	126.000.000.000	(210.000.000.000)	-	-
▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái	10,0%	-	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thế Vũ	9,2%-10,0%	-	124.000.000.000	25.000.000.000	(149.000.000.000)	-	-
▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập	8,7%-10,0%	-	98.000.000.000	50.000.000.000	(118.000.000.000)	-	30.000.000.000
▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Thịnh	10,0%	-	-	31.631.450.000	(31.631.450.000)	-	-
▪ Ngân hàng E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	6,0%	-	-	60.000.000.000	(30.000.000.000)	-	30.000.000.000
▪ Ngân hàng Entie Commercial	3,2%	-	-	68.175.000.000	-	195.000.000	68.370.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega	5,0%	-	-	60.000.000.000	(40.000.000.000)	-	20.000.000.000
▪ Ngân hàng Yuanta Commercial	3,3%	-	-	66.870.000.000	(22.290.000.000)	1.000.000.000	45.580.000.000
		-	463.000.000.000	2.832.509.843.669	(2.912.719.843.669)	1.945.000.000	384.735.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền là 100.000.000.000 VND (Thuyết minh số 7) và tiền gửi có kỳ hạn là 61.500.000.000 VND (Thuyết minh 9(b))

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2016 VND
Phải trả các Sở Giao dịch Chứng khoán	6.336.039.700
Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	47.356.221.800
Phải trả khác	490.260.085
	54.182.521.585

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu kỳ tại ngày 20/1/2016 VND	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a)) VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	738.835.906	11.952.929.375	(11.747.246.210)	944.519.071
Thuế giá trị gia tăng	-	5.714.417	96.386.481	(98.939.289)	3.161.609
	-	744.550.323	12.049.315.856	(11.846.185.499)	947.680.680

23. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND
Chi phí cho nhân viên	2.816.850.004
Phí tư vấn	93.260.257
Chi phí giao dịch chứng khoán	586.529.026
Chi phí lãi	1.004.739.793
Các chi phí khác	1.645.721.093
	6.147.100.173

24. Các khoản phải trả khác

	31/12/2016 VND
Các khoản bồi thường phải trả cho khác hàng	8.025.641.593
Các khoản phải trả cho khách hàng	1.124.000.000
Các khoản phải trả khác	109.204.641
	9.258.846.234

25. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	60.057.153.418
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	3.578.448.759
	63.635.602.177

26. Chi phí môi giới chứng khoán

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí lương	14.173.893.409
Chi phí hoa hồng bán chứng khoán	10.607.674.654
Chi phí thuê	5.671.310.376
Phí môi giới chứng khoán	5.811.029.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.013.256.314
Khấu hao tài sản cố định	398.168.863
Chi phí công cụ, dụng cụ	282.447.436
Chi phí khác	1.351.736.372
	41.309.516.565

27. Chi phí lãi

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí lãi	29.013.266.118
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho giao dịch chứng khoán	143.960.022
	29.157.226.140

28. Chi phí quản lý

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí lương	12.716.785.770
Chi phí thuê	2.394.677.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.921.781.834
Khấu hao tài sản cố định	1.688.938.083
Thuế, phí và lệ phí	61.772.818
Chi phí công cụ, dụng cụ	758.161.849
Chi phí khác	9.400.644.364
	35.942.762.047

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(7.179.042.443)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.435.808.489)
Chi phí không được khấu trừ thuế	90.076.014
Thu nhập không bị tính thuế	(1.446.562)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.347.179.037
	-

(b) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

(c) Lỗ tính thuế

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Thuyết minh	Số lỗ thuế được khấu trừ VND
2016	Chưa quyết toán	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	43.806.178.801
2017	Chưa quyết toán	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	100.202.561.854
2018	Chưa quyết toán	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	22.068.447.607
2019	Chưa quyết toán	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	679.251.395
2020	Chưa quyết toán	Chuyển từ PHS và ATS (Thuyết minh 1(a))	16.871.487.402
2021	Chưa quyết toán		6.735.895.185
			190.363.822.244

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ thuế chưa sử dụng bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

30. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ từ ngày 20 tháng 1 năm 2016 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông là 7.179.042.443 VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 27.011.079 cổ phiếu, được tính như sau:

(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Lỗ thuần trong kỳ	(7.179.042.443)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	20.258.507
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	(483)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	6.753.055
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	27.011.079

(iii) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(266)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ từ 20/1/2016 đến 31/12/2016 VND Giá trị giao dịch
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập - cổ đông lớn	
Vay	50.000.000.000
Thanh toán tiền vay	118.000.000.000
Chi phí lãi	4.111.202.980
Phí lưu ký	1.011.334
Phí tư vấn	83.500.206
Nhận tiền gửi	1.957.950.000
Rút tiền gửi	1.957.950.000
Nhận góp vốn cổ phần	3.843.100.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái - cổ đông lớn	
Vay	20.000.000.000
Thanh toán tiền vay	20.000.000.000
Chi phí lãi	188.888.889
Phí lưu ký	2.738.526
Phí chuyển nhượng chứng khoán	49.692.870
Nhận góp vốn cổ phần	31.389.410.000
Phu Hung Far East Holding Corporation - cổ đông lớn	
Phí lưu ký	7.955.000
Nhận phí lưu ký	199.215.912
Nhận tiền gửi	199.210.912
Nhận góp vốn cổ phần	50.550.970.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Thịnh - cổ đông lớn	
Vay	31.631.450.000
Thanh toán tiền vay	31.631.450.000
Chi phí lãi	96.651.653
Phí lưu ký	1.006.300
Nhận góp vốn cổ phần	31.631.450.000
Công ty Cổ phần CX Technology (Việt Nam) – công ty liên quan	
Vay	126.000.000.000
Thanh toán tiền vay	210.000.000.000
Phí lưu ký	304.308
Chi phí lãi	6.976.374.997
Nhận tiền gửi	4.018
Rút tiền gửi	1.669.625.863
Phí chuyển nhượng chứng khoán	125.175.184
Phí môi giới	239.670
Thù lao của các Thành viên quản lý chủ chốt	
Lương và các khoản phụ cấp	2.233.994.544

32. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND
Trong vòng một năm	8.754.012.368
Từ hai đến năm năm	11.465.264.606
	20.219.276.974

33. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh vì đây là báo cáo tài chính đầu tiên do Công ty lập kể từ ngày thành lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

S.Q.Đ: 122 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH

CHEN CHIA KEN
Tổng Giám đốc

Phu Hung
SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-8) 5413 5479 | Fax: (84-8) 5413 5472
Customer Service: (84-8) 5411 8855 | Call Center: (84-8) 5413 5488

PHU HUNG SECURITIES CORPORATION
3rd Floor, CR3-03A, 109 Ton Dat Tien St., Tan Phu Ward, District 7, HCMC
Phone: (84-8) 5 413 5479 | Fax: (84-8) 5 413 5472
Customer Service: (84-8) 5 411 8855 | Call Center: (84-8) 5 413 5488

www.phs.vn